



Working Paper 2026.1.2.11

- Vol. 1, No. 2

**TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG ĐỐI VỚI BAO TRÙM TÀI CHÍNH
Ở MỘT SỐ NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

**Hoàng Ngọc Anh¹, Lê Hải Anh, Nguyễn Quỳnh Anh, Đinh Cao Cường,
Nguyễn Huy Hiếu, Đỗ Hoàng Hiệp, Hoàng Vũ Hải Linh**

Sinh viên K62 Kinh tế quốc tế - Khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Hải Yến

Giảng viên Khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

**TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG ĐỐI VỚI BAO TRÙM TÀI CHÍNH
Ở MỘT SỐ NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

Tóm tắt:

Hiện nay, tiền di động đang ngày càng trở nên phổ biến, được xem là một phương tiện quan trọng góp phần tạo nền tảng thuận lợi cho việc nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính đối với các cá nhân hoặc cộng đồng nằm ngoài phạm vi phục vụ của hệ thống tài chính truyền thống, đặc biệt là tại các quốc gia đang trong quá trình phát triển. Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, chưa có quá nhiều nghiên cứu về tác động của tiền di động tới bao trùm tài chính. Dựa trên những cơ

¹ Tác giả liên hệ, Email: k62.2314410020@ftu.edu.vn

sở lý thuyết và những nghiên cứu đi trước, cùng với dữ liệu thứ cấp dạng bảng của 1 số nước trong nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp và trung bình cao theo danh sách DAC List of ODA Recipients năm 2021, được tổng hợp từ World Bank trong năm 3 năm 2014, 2017 và 2021, nhóm nghiên cứu đã sử dụng kiểm định LM và kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình phù hợp với mục tiêu đo lường tác động của dịch vụ tiền di động tới bao trùm tài chính tại những quốc gia này. Kết quả cho thấy rằng, các yếu tố liên quan đến tiền di động và kinh tế vĩ mô đều có tác động thuận chiều đến chỉ số bao trùm tài chính. Bài nghiên cứu này đã đóng góp cái nhìn tổng quan hơn về tác động của tiền di động đến bao trùm tài chính tại các quốc gia đang phát triển, với phạm vi nghiên cứu rộng hơn và nguồn dữ liệu chính xác và đầy đủ hơn về mặt thực nghiệm.

Từ khóa: Tiền di động, bao trùm tài chính, các nước đang phát triển

THE IMPACT OF MOBILE MONEY SERVICES ON FINANCIAL INCLUSION IN DEVELOPING COUNTRIES

Abstract:

Currently, Mobile Money is becoming increasingly widespread and is considered a key instrument in facilitating greater access to financial services for individuals and communities that are traditionally underserved or excluded from the formal financial system - particularly in developing countries. Despite its growing prominence, there remains a limited body of research investigating the impact of Mobile Money on financial inclusion. Building upon existing theoretical frameworks and previous empirical studies, this research utilizes panel secondary data collected from several developing countries classified as lower-middle-income and upper-middle-income according to the 2021 DAC List of ODA Recipients. The data, sourced from the World Bank, spans the years 2014, 2017, and 2021. To identify the appropriate model for assessing the effect of Mobile Money on financial inclusion in these countries, the study employs both the Lagrange Multiplier (LM) test and the Hausman test. The empirical findings indicate that both Mobile Money-related factors and macroeconomic variables have a positive effect on financial inclusion indices. This study contributes a broader perspective on the influence of Mobile Money on financial inclusion in developing countries, supported by a wider research scope and more accurate, comprehensive empirical data.

Key words: Mobile Money, financial inclusion, developing countries

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu đang hướng đến phát triển bền vững và hội nhập tài chính sâu rộng, thanh toán không dùng tiền mặt đã trở thành một xu thế tất yếu. Việc thay thế dần các giao dịch tiền mặt truyền thống bằng các hình thức thanh toán số như E-Banking, Mobile Banking, ví điện tử như: MoMo, ZaloPay tại Việt Nam; M-Pesa tại Kenya; GCash tại Philippines... và đặc biệt là tiền di động đã mang đến nhiều cơ hội tiếp cận tài chính cho các nhóm dân cư trước đây bị loại trừ khỏi hệ thống tài chính chính thức. Hơn nữa, tại nhiều quốc gia đang phát triển, việc tiếp cận các dịch vụ ngân hàng truyền thống vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như tính khả dụng và khả năng chi trả hạn chế (Demirguc-Kunt và cộng sự, 2018). Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho dịch vụ tiền di động phát triển như một giải pháp thay thế hiệu quả, giúp người dân có thể thực hiện các giao dịch tài chính cơ bản chỉ thông qua điện thoại di động. Theo Demirguc-Kunt và cộng sự (2018), công nghệ tiền di động đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng bao trùm tài chính tại nhiều quốc gia có thu nhập thấp và trung bình.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa tiền di động và bao trùm tài chính tại một số quốc gia châu Phi như Kenya, Ghana, Zimbabwe..., các nghiên cứu này sử dụng mẫu dữ liệu mang tính cục bộ và tương đối nhỏ (Nyimbiri, 2021), chưa phản ánh được bức tranh toàn cảnh tại nhóm các nước đang phát triển. Do đó, bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tổng quát hơn về tác động của tiền di động tới chỉ số bao trùm tài chính, từ đó đưa ra những nhận định và hàm ý chính sách mang tính thực tiễn và cập nhật hơn.

Cụ thể, bài nghiên cứu sẽ tập trung vào các nội dung chính sau: (1) Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa tiền di động và bao trùm tài chính; (2) Đo lường tác động của tiền di động đến bao trùm tài chính thông qua mô hình hồi quy dữ liệu bảng trên nhóm các nước đang phát triển; (3) Đề xuất các chính sách phù hợp nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của tiền di động trong việc mở rộng tiếp cận tài chính cho người dân.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1 Cơ sở lý thuyết

2.1.1 Khái niệm bao trùm tài chính

Bao trùm tài chính được định nghĩa là khả năng tiếp cận (availability) và sự dễ dàng trong việc tiếp cận (ease of access) các dịch vụ tài chính chính thức cơ bản cho tất cả thành viên trong dân số. Bao trùm tài chính có nghĩa là các cá nhân và doanh nghiệp phải có quyền tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức hữu ích và có chi phí hợp lý, sao cho đáp ứng nhu cầu của họ theo cách có trách nhiệm và bền vững (Ozili, 2020). Ngoài ra, theo World Bank, bao trùm tài chính đề

cập đến việc mở rộng khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, bao gồm cả các hộ gia đình thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ, phụ nữ và các nhóm thường bị loại trừ khác. Khái niệm bao trùm tài chính không chỉ giới hạn ở việc tiếp cận, mà còn đề cập đến việc sở hữu một tài khoản tài chính. Bao trùm tài chính được hiểu là có tiềm năng giúp giảm nghèo và đạt được các mục tiêu phát triển toàn cầu, mặc dù bằng chứng thực nghiệm trong các tài liệu về lợi ích của nó trong việc giúp mọi người thoát nghèo vẫn còn nhiều thiếu sót.

2.1.2 Đo lường bao trùm tài chính

Bao trùm tài chính là một khái niệm đa chiều, do đó không thể đánh giá chỉ bằng một chỉ tiêu đơn lẻ. Sarma (2008) đề xuất đo lường mức độ bao trùm tài chính thông qua một chỉ số tổng hợp (FI Index) được xây dựng dựa trên ba nhóm tiêu chí: (i) mức độ tiếp cận đối với các dịch vụ tài chính, (ii) mức độ hiện diện và sẵn có của các tổ chức tài chính trên thực tế, và (iii) mức độ sử dụng các dịch vụ tài chính của người dân. Các tiêu chí này được lượng hóa bằng những biến số định lượng và chuẩn hóa để có thể so sánh giữa các quốc gia. Cũng đưa mức độ tiếp cận các dịch vụ tài chính vào làm một yếu tố để đo lường mức độ bao trùm tài chính, Chakravarty và Pal cho rằng việc đo lường bao trùm tài chính cần tính đến cả mức độ tiếp cận và mức độ phân bổ công bằng giữa các nhóm dân cư. Do đó, hai tác giả phát triển một phương pháp đo lường dựa trên hệ tiên đề (axiomatic approach), trong đó chỉ số bao trùm tài chính được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa mức độ tiếp cận dịch vụ tài chính và sự công bằng trong phân phối các cơ hội tiếp cận đó. Cách tiếp cận này nhấn mạnh rằng một quốc gia chỉ thực sự đạt được bao trùm tài chính khi các dịch vụ tài chính không chỉ có sẵn mà còn được phân bổ một cách đồng đều giữa các nhóm dân cư. Cùng với đó Park và Mercado xây dựng chỉ số bao trùm tài chính tổng hợp cho các quốc gia châu Á đang phát triển bằng cách kết hợp nhiều chỉ tiêu phản ánh khả năng tiếp cận, mức độ sử dụng và phạm vi phủ sóng của hệ thống tài chính. Chỉ số này cho phép đánh giá mức độ bao trùm tài chính không chỉ trên khía cạnh số lượng tài khoản ngân hàng, mà còn xem xét sự kết nối giữa hệ thống tài chính và các nhóm dân cư có thu nhập thấp. Chỉ số FI do hai tác giả đề xuất thường được sử dụng trong các nghiên cứu đánh giá mối quan hệ giữa bao trùm tài chính, nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập.

2.1.3 Lý thuyết về chi phí giao dịch và vai trò của bao trùm tài chính đối với nền kinh tế

2.1.3.1 Lý thuyết về chi phí giao dịch

Theo lý thuyết chi phí giao dịch, người tham gia giao dịch thường có xu hướng hành vi cơ hội (opportunistic behaviour), tức là khả năng đối tác không hoàn toàn trung thực và cố gắng tận dụng

các tình huống bất ngờ nhằm thu lợi cho bản thân, dẫn đến sự phát sinh chi phí giám sát nhằm đảm bảo giao dịch diễn ra suôn sẻ và đúng quy định. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể phát sinh nhiều biến động, một số trong đó không thể dự đoán trước, làm tăng chi phí thích ứng để điều chỉnh và duy trì hợp đồng. Các chi phí giám sát và chi phí thích ứng này được gọi chung là chi phí giao dịch. Mặc dù những chi phí này thường không được tính trực tiếp vào giá thành sản phẩm, nhưng chúng ảnh hưởng đáng kể đến quyết định lựa chọn của khách hàng. Lý thuyết cũng chỉ ra rằng, các bên tham gia giao dịch có mức độ lý trí nhất định; nghĩa là các quyết định được đưa ra nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế, mặc dù không phải lúc nào cũng hoàn toàn hợp lý do hạn chế về nhận thức, khả năng xử lý thông tin và kinh nghiệm. Do đó, người tham gia giao dịch luôn có xu hướng lựa chọn các phương án giảm thiểu chi phí giao dịch. Nói cách khác, trong số các lựa chọn thay thế, họ ưu tiên các phương thức giao dịch có chi phí thấp hơn. Mức độ chi phí giám sát và chi phí thích ứng phụ thuộc vào mức độ không chắc chắn trong giao dịch. Trên thực tế, sự bất cân xứng thông tin là nguyên nhân chính làm tăng tính không chắc chắn, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả giao dịch. Cụ thể, sự không chắc chắn về môi trường thể hiện qua những biến cố khó dự đoán xảy ra trong quá trình thực hiện giao dịch, đặc biệt với các hợp đồng dài hạn, khiến chi phí thích ứng tăng lên. Mặt khác, sự không chắc chắn về hành vi liên quan đến khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả và tính minh bạch của đối tác cũng làm gia tăng chi phí giám sát và điều chỉnh. Do đó, lý thuyết chi phí giao dịch khẳng định rằng các bên tham gia giao dịch có xu hướng lựa chọn những hình thức giao dịch ít rủi ro và bất định hơn nhằm giảm thiểu chi phí phát sinh.

2.1.3.2 Vai trò của bao trùm tài chính đối với nền kinh tế

Nghiên cứu của Saha, Qin & Inaba (2023) trên 104 quốc gia đang phát triển giai đoạn 2004–2019 chỉ ra rằng mức độ bao trùm tài chính có mối tương quan tích cực với tăng trưởng kinh tế, phản ánh vai trò quan trọng của việc mở rộng dịch vụ tài chính đến các nhóm dân cư bị loại trừ trong việc gia tăng GDP bình quân đầu người.

Bao trùm tài chính góp phần giảm nghèo và bất bình đẳng thu nhập thông qua việc mở ra cơ hội tiếp cận tín dụng và các dịch vụ tài chính cơ bản cho các nhóm yếu thế. Nghiên cứu của Park & Mercado (2018) cho thấy tại châu Á, các quốc gia có mức độ bao trùm tài chính cao thường đạt được tỷ lệ nghèo thấp hơn và bất bình đẳng thu nhập giảm dần theo thời gian. Kết quả này được củng cố bởi nghiên cứu của Kim, Yu & Hassan (2018), cho rằng việc mở rộng tài chính giúp cải

thiện khả năng tiếp cận vốn cho hộ gia đình thu nhập thấp, từ đó tạo điều kiện đầu tư vào giáo dục, y tế và hoạt động kinh tế nhỏ, góp phần xóa bỏ các rào cản phát triển.

Ngoài ra, bao trùm tài chính có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế dài hạn. Nantharath & Kang (2023) khi nghiên cứu các nền kinh tế ASEAN đã chứng minh mối quan hệ dài hạn giữa bao trùm tài chính và GDP bình quân đầu người, cho thấy khi các chỉ số tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính được cải thiện, nền kinh tế có xu hướng tăng trưởng ổn định và bền vững hơn. Điều này xuất phát từ việc hệ thống tài chính toàn diện giúp phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, khuyến khích tiết kiệm và đầu tư, đồng thời thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh ở cả cấp hộ gia đình và doanh nghiệp. Bao trùm tài chính tạo ra tính bền vững và khả năng chống chịu cho nền kinh tế trước các cú sốc. Nghiên cứu của Suri & Jack (2016) tại Kenya cho thấy việc tiếp cận dịch vụ tài chính qua nền tảng di động giúp hộ gia đình tăng cường khả năng tiết kiệm và quản lý rủi ro, từ đó đối phó hiệu quả hơn với biến động thu nhập. Tương tự, nghiên cứu tại Indonesia (Erlando, 2020) chỉ ra rằng bao trùm tài chính không chỉ hỗ trợ tăng trưởng mà còn đóng góp vào công cuộc giảm nghèo bền vững, nhờ cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng và dịch vụ ngân hàng ở vùng nông thôn.

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.2.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu đi trước

Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu đã tập trung làm rõ mối quan hệ giữa dịch vụ tiền di động và mức độ bao trùm tài chính tại các quốc gia đang phát triển, cho thấy xu hướng tích cực và ngày càng lan rộng của công nghệ tài chính này.

Thứ nhất, về tác động của tiền di động trong việc mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính và kỹ năng sử dụng dịch vụ tài chính, nhiều nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng rõ ràng về vai trò quan trọng của dịch vụ này trong việc thu hẹp khoảng cách tài chính ở các khu vực đang phát triển. Các nghiên cứu tại Kenya (Jack & Suri, 2014), Ấn Độ (Biswas và cộng sự, 2021) Ghana (Kodom và cộng sự, 2022) hay 17 quốc gia Hạ Sahara (Voptia và cộng sự, 2024) đều nhất quán cho thấy tiền di động đóng vai trò “cổng vào” giúp người dân dễ dàng tiếp cận tài khoản chính thức như đầu tư, bảo hiểm, tiết kiệm và khả năng vay vốn. Cụ thể hơn, khi nhấn mạnh về vị trí địa lý, Ahmad và cộng sự (2020) ghi nhận rằng tiền di động đã cải thiện đáng kể tốc độ và phạm vi tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức tại những khu vực nông thôn xa trung tâm, nơi mà các chi nhánh ngân hàng truyền thống gần như không tồn tại, đặc biệt là ở khu vực châu Phi cận Sahara. Còn về đối tượng sử dụng, nghiên cứu Simione và cộng sự (2024) tại Uganda đã cho thấy những

người trưởng thành sử dụng tiền di động có tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ tài chính cao hơn đáng kể so với nhóm không sử dụng, điều này cho thấy tiền di động không chỉ mở rộng phạm vi tiếp cận mà còn thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân vào hệ thống tài chính chính thức, góp phần nâng cao mức độ bao trùm tài chính ở cấp quốc gia. Mở rộng hơn nữa, với bằng chứng ở Việt Nam, Nguyễn và cộng sự (2023) cho thấy ngoài việc tăng tần suất sử dụng, tiền di động còn cải thiện thái độ, nhận thức và kỹ năng tài chính cá nhân - một khía cạnh ít được nhấn mạnh trong các nghiên cứu châu Phi. Điều này gợi ý rằng tác động của tiền di động không chỉ dừng ở việc “mở tài khoản” mà còn phụ thuộc vào đặc thù văn hóa - xã hội và mức độ sẵn sàng công nghệ của từng quốc gia.

Thứ hai, về tác động của tiền di động trong việc giảm chi phí giao dịch và rào cản tài chính, nhiều nghiên cứu đã cho thấy tiền di động giúp giảm chi phí giao dịch, chi phí tâm lý và là phương thức dễ tiếp cận. Trước hết, cả Jack & Suri (2014) khi nghiên cứu ở Kenya, Mutsonziwa & Maposa (2016) ở Zimbabwe và Ahmad và cộng sự (2020) ở một số nước châu Phi đều khẳng định tiền di động giúp giảm mạnh chi phí chuyển tiền và các giao dịch thường ngày bởi nó cung cấp một phương thức giao dịch rẻ, tiện lợi và dễ sử dụng. Cụ thể hơn, nó góp phần giảm bớt các rào cản cho những hộ gia đình có thu nhập thấp, sống ở vùng sâu vùng xa như tại Kenya và một số nước châu Phi và rào cản đến từ việc mất thời gian, công sức của tài chính truyền thống như tại Zimbabwe. Kết quả này cũng tương đồng với Nguyễn và cộng sự (2023) khi nghiên cứu tại Việt Nam khi chỉ ra tác động của tiền di động không chỉ nằm ở mặt chi phí trực tiếp mà còn ở chi phí tâm lý và kỹ thuật - người dùng cần cảm nhận được tính hữu ích và dễ sử dụng của dịch vụ. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu dựa trên khảo sát cục bộ, ít có bằng chứng quy mô quốc gia. Một ngoại lệ là Gyamerah và cộng sự (2024) với dữ liệu vĩ mô, cho thấy mức sử dụng cao có thể nâng chỉ số bao trùm tài chính tới 15,4%. Song nghiên cứu này vẫn mới dừng ở mối liên hệ tổng quát, chưa phân tích sâu sự khác biệt giữa các nhóm dân cư hoặc cơ chế tác động.

Thứ ba, về tác động của tiền di động đến hành vi tài chính và trao quyền tài chính, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng dịch vụ này không chỉ đơn thuần là công cụ thanh toán mà còn thúc đẩy sự thay đổi căn bản trong cách các cá nhân và cả cộng đồng quản lý tài chính. Ở cấp hộ gia đình và cá nhân, Suri và Jack (2016) tại Kenya cho thấy tiền di động giúp phụ nữ gia tăng tiết kiệm và kiểm soát chi tiêu hộ gia đình, từ đó nâng cao vai trò kinh tế và mức độ độc lập tài chính. Bổ sung cho bằng chứng này, Simione và cộng sự (2024) tại Uganda khẳng định tiền di động cải thiện quản lý tài chính cá nhân, giúp người dùng tiết kiệm hiệu quả hơn và tiếp cận tín dụng thuận lợi hơn.

Tuy nhiên, cả hai nghiên cứu đều chủ yếu phản ánh tác động ở quy mô vi mô, khiến khó có thể khái quát sang cấp cộng đồng hoặc hệ thống tài chính quốc gia. Đáng chú ý, Shaikh và cộng sự (2022) tiếp cận vấn đề từ một khía cạnh khác khi cho thấy hành vi tài chính và khả năng trao quyền nhờ tiền di động phụ thuộc nhiều vào yếu tố trung gian như niềm tin đối với đại lý và chất lượng hỗ trợ khách hàng. Điều này đặt ra nghi vấn liệu tác động tích cực có thực sự đến từ bản thân công nghệ tiền di động, hay chủ yếu nhờ hạ tầng dịch vụ và các quan hệ xã hội đi kèm.

Qua đó, các nghiên cứu đi trước nhìn chung đã khẳng định vai trò then chốt của tiền di động trong việc mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, giảm chi phí giao dịch và thay đổi hành vi tài chính của người dân tại các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, bức tranh tổng thể vẫn bộc lộ một số hạn chế quan trọng và sẽ được làm rõ và giải quyết trong phần khoảng trống nghiên cứu.

2.2.2 Khoảng trống nghiên cứu

Như vậy, dưới góc độ lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm, đề tài này chỉ ra một vài phương diện nổi bật có thể khẳng định là sự khác biệt với các nghiên cứu được đề cập trên.

Thứ nhất, nghiên cứu đưa biến **Bormon** - tỷ lệ người dân trên 15 tuổi từng vay tiền từ bất kỳ nguồn nào vào mô hình để phân tích tác động đến bao trùm tài chính. Phần lớn các nghiên cứu trước thường tập trung vào các yếu tố như thu nhập, trình độ giáo dục hay mức độ sử dụng dịch vụ tài chính số. Trong khi đó, biến Bormon phản ánh trực tiếp nhu cầu và hành vi tài chính của người dân, qua đó mang lại một cách tiếp cận mới trong việc đánh giá bao trùm tài chính. Việc sử dụng biến này giúp mô hình phân tích trở nên toàn diện hơn, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính và hành vi vay mượn phi chính thức, vốn khá phổ biến tại các quốc gia đang phát triển khi hệ thống tài chính chính thức còn hạn chế. Bormon cũng có thể xem như một chỉ báo thay thế cho tình trạng thiếu hụt tài chính hoặc nhu cầu tài chính chưa được đáp ứng. Ở nhóm thu nhập thấp, nhiều người buộc phải dựa vào các kênh vay vốn, cả chính thức lẫn phi chính thức, để chi trả cho các nhu cầu cơ bản như giáo dục, y tế hay sinh kế. Do đó, biến này phản ánh phần nào mức độ dễ tổn thương về tài chính của nhóm dân cư yếu thế, vốn thường bị loại trừ khỏi hệ thống tài chính truyền thống. Sự có mặt của biến Bormon trong mô hình giúp nắm bắt rõ hơn khía cạnh cầu tài chính, từ đó tách biệt tác động thực sự của tiền di động đối với bao trùm tài chính.

Thứ hai, các bài nghiên cứu trước chỉ sử dụng dữ liệu bảng hỏi do không có đủ nguồn dữ liệu chính thống về tiền di động và bao trùm tài chính. Còn ở đây, nhóm nghiên cứu đã sử dụng bộ dữ liệu Global Financial Inclusion và World Development Indicators của WorldBank nhằm mục đích

bổ sung thêm thông tin các chỉ số phản ánh về sở hữu tài khoản, thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và khả năng phục hồi tài chính. Điều này giúp tăng tính đại diện và độ tin cậy trong phân tích thực nghiệm.

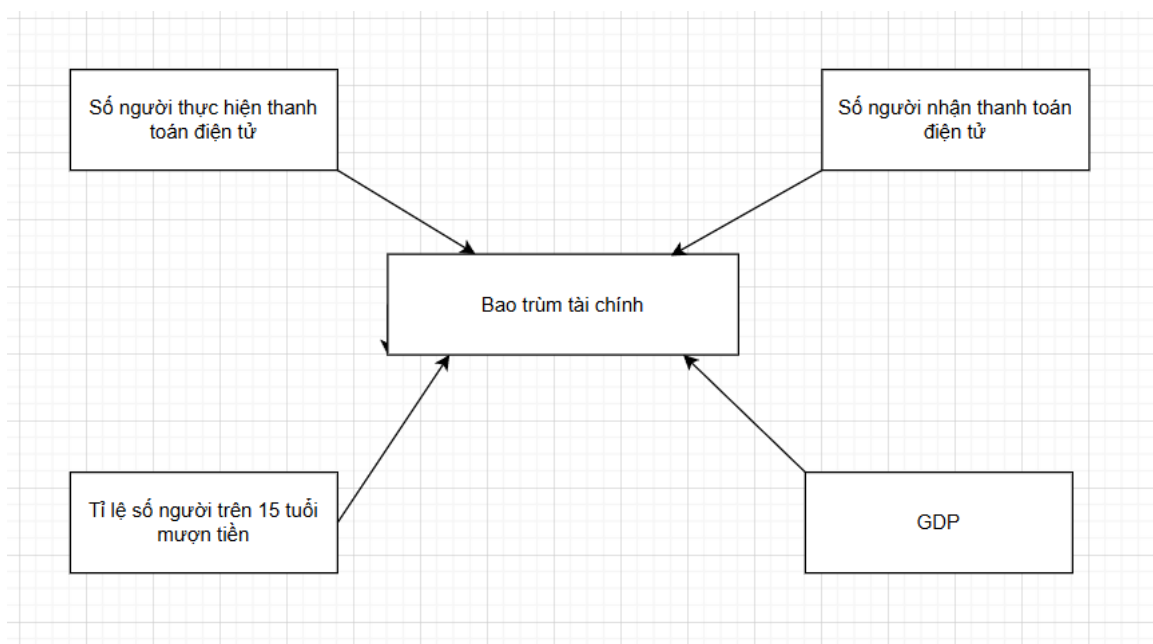
Thứ ba, phần lớn các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào một khu vực cụ thể, chẳng hạn như Châu Phi, nơi dịch vụ tiền di động được triển khai sớm. Cách tiếp cận này giúp làm rõ tác động của tiền di động trong bối cảnh nhất định, nhưng chưa phản ánh toàn diện ở các quốc gia đang phát triển khác. Do đó nghiên cứu này đã khắc phục bằng cách mở rộng phạm vi nghiên cứu sang nhiều quốc gia đang phát triển, từ đó đưa ra cái nhìn tổng quát hơn.

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

3.1.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu đi trước, nhóm nghiên cứu đề xuất khung phân tích và mô hình tổng quát nhằm xác định tác động của tiền di động đến chỉ số bao trùm tài chính (financial inclusion) như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

$$acc_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 \ln digitpay + \alpha_2 \ln redigitpay + \alpha_3 \ln GDP + \alpha_4 \ln bormon + \widehat{\varepsilon}_{it}$$

Trong đó:

acc_{it} : Phần trăm số người trên 15 tuổi có tài khoản hoặc dùng chung với người khác (%)

$\ln digitpay_{it}$: Logarit tự nhiên phần trăm số người thực hiện thanh toán điện tử (%)

$\ln redigitpay_{it}$: Logarit tự nhiên phần trăm số người nhận được thanh toán điện tử (%)

$\ln GDP_{it}$: Logarit tự nhiên tổng sản phẩm quốc nội của một quốc gia

$\ln bormon_{it}$: Logarit tự nhiên phần trăm số người trên 15 tuổi mượn tiền

u_i : Hiệu ứng cá nhân hoặc tác động cố định

$\widehat{\varepsilon}_{it}$: sai số ngẫu nhiên

α_0 : hệ số chặn

$\alpha_{[1;4]}$: hệ số góc

$i = [1,65]$: Biểu thị 65 nước trong nhóm các nước có mức thu nhập trung bình

$t = [2014, 2017, 2021]$: Biểu thị năm quan sát

3.1.2. Giả thuyết nghiên cứu

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vai trò quan trọng của các yếu tố tài chính số, đặc biệt là dịch vụ tiền di động, trong việc thúc đẩy bao trùm tài chính ở các quốc gia đang phát triển. Dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm và cơ sở lý thuyết, nhóm nghiên cứu đề xuất các giả thuyết nghiên cứu chính và các giả thuyết kiểm soát như sau:

Giả thuyết chính:

Giả thuyết 1: Việc sử dụng dịch vụ tiền di động có ảnh hưởng tích cực đến bao trùm tài chính ở các nước đang phát triển.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng di động, đặc biệt là tiền di động, đóng vai trò then chốt trong việc cải thiện mức độ tiếp cận tài chính tại các quốc gia có hạ tầng ngân hàng truyền thống yếu kém. Nhờ vào khả năng vượt qua các rào cản địa lý, chi phí thấp và không yêu cầu tài khoản ngân hàng truyền thống, tiền di động giúp người dân vùng sâu vùng xa thực hiện các giao dịch tài chính cơ bản mà không cần tài khoản ngân hàng chính thức (Suri & Jack, 2016). Nghiên cứu của Mbiti & Weil (2011) cũng cho thấy tiền di động góp phần giảm chi phí giao dịch, tăng mức độ sử dụng dịch vụ tài chính, đặc biệt ở nhóm thu nhập thấp hoặc sinh sống ở khu vực nông thôn. Từ đó, dịch vụ này góp phần mở rộng bao trùm tài chính bằng cách tạo điều kiện để người dân tham gia vào các hoạt động tiết kiệm, thanh toán, và nhận tiền. Đây là giả thuyết chính làm nền tảng để xây dựng các giả thuyết kiểm soát cụ thể hơn bên dưới.

Giả thuyết của các biến kiểm soát:

Giả thuyết 2: Việc sử dụng tiền di động để thanh toán (digitpay) có ảnh hưởng tích cực đến tỷ lệ người dân sở hữu tài khoản tài chính (acc).

Theo các nghiên cứu thực nghiệm tại Kenya và các nước châu Phi, hành vi thanh toán điện tử qua điện thoại di động có tương quan mạnh với việc mở tài khoản tài chính chính thức, do người dân cần có nơi lưu trữ và quản lý dòng tiền. Jack và Suri (2014) đã chỉ ra rằng việc sử dụng dịch vụ tiền di động như M-Pesa ở Kenya giúp giảm chi phí giao dịch và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính. Từ đó, khuyến khích người dân sử dụng tài khoản tiền di động để thực hiện các giao dịch thanh toán, góp phần số hóa các hoạt động tài chính thường ngày. Ngoài ra, sự tiện lợi trong giao dịch điện tử khiến tiền di động trở thành lựa chọn ưu tiên trong tiêu dùng, nhất là tại khu vực nông thôn không có mạng lưới ngân hàng. Do đó, tỷ lệ người dân sử dụng tiền di động để thực hiện thanh toán càng cao thì khả năng sở hữu tài khoản tài chính cũng tăng lên.

Giả thuyết 3: Việc sử dụng tiền di động để nhận tiền (redigitpay) có ảnh hưởng tích cực đến bao trùm tài chính.

Một bộ phận lớn dân cư tại các nước đang phát triển nhận tiền từ người thân làm việc tại thành phố hoặc từ nước ngoài thông qua tiền di động. Việc nhận tiền thường xuyên dẫn đến nhu cầu lưu trữ, gửi và sử dụng tiền một cách hiệu quả hơn, từ đó khuyến khích việc mở tài khoản tài chính chính thức. Nghiên cứu của Mbiti và Weil (2011) đã phát hiện rằng việc sử dụng dịch vụ tiền di động như M-Pesa ở Kenya giúp giảm xu hướng sử dụng các cơ chế tiết kiệm phi chính thức và tăng khả năng người dân có tài khoản ngân hàng. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nhận tiền từ người thân, bạn bè hoặc các tổ chức một cách nhanh chóng và an toàn, đặc biệt là ở những khu vực mà dịch vụ ngân hàng truyền thống còn hạn chế.

Giả thuyết 4: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) có ảnh hưởng tích cực đến bao trùm tài chính.

Trong nghiên cứu của Beck, Demirgüç-Kunt và Levine (2007), các tác giả chỉ ra rằng sự phát triển tài chính không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn làm giảm bất bình đẳng thu nhập, đặc biệt là tại các quốc gia có GDP cao. Nghiên cứu cho thấy ở những nước có nền kinh tế lớn và hệ thống tài chính hiệu quả, người dân có nhiều khả năng sở hữu tài khoản tài chính chính thức hơn nhờ sự cải thiện về cơ sở hạ tầng và độ bao phủ của các tổ chức tài chính. Nghiên cứu của , khẳng định GDP bình quân đầu người là một trong những yếu tố giải thích rõ ràng nhất cho sự khác biệt về mức độ bao trùm tài chính giữa các quốc gia. GDP càng cao thì quy mô và sức hấp dẫn của nền kinh tế càng lớn, từ đó dẫn đến tỷ lệ dân số sở hữu tài khoản tài chính ngày càng tăng.

Giả thuyết 5: Tỷ lệ người vay tiền từ bất kỳ nguồn nào (Bormon) có ảnh hưởng tích cực đến khả năng bao trùm tài chính.

Việc đi vay - bất kể từ nguồn chính thức hay phi chính thức đều phản ánh nhu cầu tương tác tài chính của người dân. Các hoạt động vay thường đi kèm với yêu cầu mở tài khoản để giải ngân, thanh toán hoặc quản lý tín dụng. Do đó, tỷ lệ người trưởng thành từng vay tiền có thể được xem là chỉ báo gián tiếp cho việc tham gia hệ thống tài chính, góp phần mở rộng bao trùm tài chính (Demirgüç-Kunt, Klapper & Hess, 2020).

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

3.2.1. Nguồn dữ liệu

Bài nghiên cứu được xác định sử dụng bộ dữ liệu thứ cấp. Số liệu được tổng hợp và thống kê trên kho dữ liệu tại nguồn website của World Bank. Nhóm nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng của các nước trong nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp và trung bình cao theo danh sách DAC List of ODA Recipients năm 2021. Sau quá trình làm sạch dữ liệu, nhóm xác định có 65 nước trong 3 năm: 2014, 2017, 2021.

3.2.2. Mô tả dữ liệu

Bảng 1: Mô tả các biến trong mô hình

Vai trò	Tên biến	Mô tả	Đơn vị	Dấu kỳ vọng	Nguồn tham khảo
Biến phụ thuộc	acc	Số tài khoản (% trên 15 tuổi)	%		Mbiti & Weil (2011), Suri & Jack (2016)
	digitpay	Phần trăm tạo giao dịch điện tử	%	+	Jack & Suri (2014)
Biến độc lập	redigitpay	Phần trăm nhận giao dịch điện tử	%	+	Mbiti & Weil (2011)
	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	Đô la Mỹ	+	Beck, Demirgüç-Kunt & Levine (2007), Sarma & Pais (2011)

Bormon Mượn tiền ở bất kỳ nguồn nào (% trên 15 tuổi) % + Demirgüç-Kunt, Klapper & Hess, 2020

Nguồn: *Nhóm tác giả tự tổng hợp*

Nhóm nghiên cứu thực hiện thống kê mô tả, nhận biết những đặc điểm cơ bản về dữ liệu như giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, cụ thể như sau:

Bảng 2: Mô tả thống kê dữ liệu

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
acc	195	49.66421	20.90943	10.97	98.46
Indigitpay	195	3.233814	.7375291	.7030975	4.508219
lnredigitpay	195	3.137401	.6787453	.9783261	4.535284
lnGDP	195	24.84608	1.611011	22.08981	30.39427
Lnbormon	195	3.78384	.2569628	2.854169	4.455858

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

3.3 Phương pháp ước lượng mô hình

Bài nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp định lượng. Với số lượng quan sát bằng 195 quan sát, nhóm tác giả tiến hành phân tích hồi quy cho dữ liệu bảng (panel data) bằng phần mềm R-Studio.

Nhóm thực hiện sử dụng các kiểm định Ramsey và kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình phù hợp trong ba mô hình hồi quy: POLS, FEM và REM. Tiếp đó, nhóm thực hiện các kiểm định phương sai sai số thay đổi và kiểm định tự tương quan nhằm mục đích tìm ra khuyết tật của mô hình. Sau đó sử dụng phương pháp ước lượng sửa lỗi phù hợp với mô hình được chọn.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Lựa chọn mô hình nghiên cứu

Từ dữ liệu thu thập được, nhóm tác giả tiến hành hồi quy theo mô hình POLS, FEM, REM, thu được kết quả dưới đây:

Bảng 3: Kết quả hồi quy theo mô hình POLS, FEM, REM

	POLS	FEM	REM
Biến	acc	acc	acc
<i>Lndigitpay</i>	7.389 (***) (2.534)	10.472 (***) (1.866)	10.04 (***) (1.793)
<i>Lnredigitpay</i>	18.85 (***) (2.744)	7.463 (***) (2.275)	11.19 (***) (2.149)
<i>lnGDP</i>	1.410 (***) (0.470)	11.38 (**) (4.532)	1.500 (**) (0.762)
<i>lnbormon</i>	1.936 (2.993)	8.203 (***) (2.441)	6.255 (***) (2.340)
<i>Hệ số chặn</i>	-74.80 (***) (15.76)	-321.3 (***) (111.4)	-78.88 (***) (20.47)
<i>Số quan sát</i>	195	195	195
<i>Hệ số hiệu chỉnh R²</i>	0.747	0.714	0.772

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Trong đó: Giá trị biến ngoài ngoặc đơn là hệ số hồi quy, giá trị trong dấu ngoặc đơn là độ lệch chuẩn của biến. Các dấu *, **, *** lần lượt biểu hiện các mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%

Kiểm định mô hình nghiên cứu

Bảng 4: Kết quả kiểm định lựa chọn mô hình

Kiểm định LM (Breusch - Pagan Lagrange Multiplier)	$Chibar2(01) = 94.73$ $Prob > chibar2 = 0.0000$
Kiểm định Hausman	$Chi2(4) = 34.62$ $Prob > chi2 = 0.0000$

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Từ kết quả kiểm định LPM: $Prob > F = 0.0000$, sử dụng mức ý nghĩa 5% ta có kết quả p value $\leq 5\%$, nên bác bỏ giả thuyết H_0 : “Mô hình không có biến nào bỏ sót” và chấp nhận H_1 . Khi đó kết quả ước lượng mô hình hồi quy gộp POLS sẽ bị ảnh hưởng nên không lựa chọn mô hình POLS.

Với kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình tác động cố định FEM và mô hình tác động ngẫu nhiên REM. Từ kết quả kiểm định ta có $Prob > chi2 = 0.000$ với mức ý nghĩa 5%, ta có p value $\leq 5\%$, do đó bác bỏ giả thuyết các yếu tố không quan sát được không tuyến tính với biến giải thích trong mô hình. Vì vậy mô hình FEM tốt hơn.

4.1.1. Kiểm định khuyết tật mô hình

Bảng 5: Kiểm định khuyết tật mô hình

Kiểm định Breusch-Pagan cho PSSSTĐ	$Chi2 = 107.98$ $Prob > BP = 0.0005$
Kiểm định Woolbridge cho tự tương quan	$F(1,128) = 17.377$ $Prob > F(1,128) = 0.0000$
Kiểm định Pesaran CD cho tương quan chéo	$Pr = 0.2470$

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Kiểm định phương sai sai số thay đổi:

Thực hiện kiểm định Breusch-Pagan cho mô hình, kết quả thu được: P-value ($Prob > chi2 = 0.0005$) $< \alpha = 5\%$ nên bác bỏ H_0 “Không tồn tại phương sai sai số thay đổi trong mô hình”, chấp nhận H_1 “Mô hình tồn tại phương sai sai số thay đổi”.

Kiểm định tự tương quan:

Kiểm định Wooldridge AR(1) để kiểm định tính tự tương quan của các biến trong mô hình, nhận thấy p-value ($Prob > F = 0.0000$) $< \alpha = 5\%$ nên bác bỏ H_0 chấp nhận H_1 : Mô hình tồn tại tự tương quan.

Kiểm định tương quan chéo:

Kiểm định Pesaran CD để kiểm định tương quan chéo trong mô hình, nhận thấy $Pr = 0.2470 > 0.05$ nên mô hình không mắc tương quan chéo.

4.1.3. Khắc phục khuyết tật mô hình

Sau khi tiến hành kiểm định các khuyết tật của mô hình, kết quả cho thấy mô hình tác động cố định (FE) mắc khuyết tật phương sai sai số thay đổi và tự tương quan. Vì thế, để khắc phục các khuyết tật trên và đảm bảo các ước lượng thu được là vững và hiệu quả, nhóm nghiên cứu sử dụng sai số chuẩn điều chỉnh theo cụm (cluster-robust standard errors). Kết quả ước lượng sau khi điều chỉnh được trình bày như sau:

Bảng 6: Kết quả khắc phục khuyết tật

	Coefficient	Sai số chuẩn	t	p>t	Khoảng tin cậy	
Ln_{digitpay}	10.4725	1.866	5.6124	0.000000	6.815	14.13
Ln_{redigitpay}	7.4633	2.2747	3.2810	0.001338	3.005	11.922
lnGDP	11.377	4.532	2.5104	0.013326	2.494	20.26
Ln_{bormon}	8.2026	2.4407	3.3608	0.001029	3.419	12.986

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Nhóm tác giả đã khắc phục khuyết tật như sau:

$$acc_{it} = 10.4725ln_{digitpay} + 7.4633ln_{redigitpay} + 11.377lnGDP + 8.2026ln_{bormon} + \widehat{\varepsilon}_{it} + u_i$$

4.2. Thảo luận kết quả

Kết quả hồi quy cho thấy các yếu tố liên quan đến tiền di động và kinh tế vĩ mô đều có tác động thuận chiều đến chỉ số bao trùm tài chính, đúng như kỳ vọng lý thuyết.

Kết quả nghiên cứu và thảo luận cho thấy dịch vụ tiền di động đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy bao trùm tài chính ở các nước đang phát triển, thông qua việc mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính, giảm chi phí giao dịch và trao quyền tài chính cho người dân. Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu đã tập trung làm rõ mối quan hệ giữa dịch vụ tiền di động và mức độ bao trùm tài chính tại các quốc gia đang phát triển, cho thấy xu hướng tích cực và ngày càng lan rộng của công nghệ tài chính này. Cụ thể, tỷ lệ người thực hiện thanh toán điện tử (biến $\ln\text{digitpay}$) có tác động thuận chiều đến chỉ số bao trùm tài chính. Điều này phù hợp với kỳ vọng vì khi nhiều người sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, họ có nhiều khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính chính thức hơn. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi tỷ lệ người thanh toán điện tử tăng 1%, chỉ số bao trùm tài chính tăng 0.1047 đơn vị. Kết quả này được hỗ trợ bởi nghiên cứu của Jack và Suri (2014) tại Kenya, nơi nền tảng M-PESA giúp hộ gia đình dễ dàng tiếp cận dịch vụ tài chính và đối phó với cú sốc thu nhập, cũng như nghiên cứu của Ahmad và cộng sự (2020) tại châu Phi cận Sahara, nhấn mạnh việc cải thiện tốc độ và phạm vi tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức.

Tương tự, tỷ lệ người nhận thanh toán điện tử (biến $\ln\text{redigitpay}$) cũng có ảnh hưởng thuận chiều đến chỉ số bao trùm tài chính. Cụ thể, khi biến này tăng 1%, chỉ số bao trùm tài chính tăng 0.0746 đơn vị trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Điều này hoàn toàn phù hợp với giả thuyết và các nghiên cứu trước đây. Khi người dân có khả năng nhận tiền qua các phương tiện điện tử, họ dễ dàng tham gia vào hệ thống tài chính hơn. Nghiên cứu của Kodom và cộng sự (2022) tại Ghana nhấn mạnh tiền di động như "công vào" thiết yếu để sở hữu tài khoản ngân hàng và mở rộng tiếp cận tín dụng, trong khi Simione và cộng sự (2024) tại Uganda cho thấy người dùng tiền di động có tỷ lệ tiếp cận dịch vụ cao hơn đáng kể.

Khi tỷ lệ người thực hiện thanh toán điện tử (digitpay , đại diện bởi biến $\ln\text{digitpay}$) lớn hơn tỷ lệ người nhận thanh toán điện tử (redigitpay , đại diện bởi biến $\ln\text{redigitpay}$), điều này có thể mang ý nghĩa quan trọng đối với chính sách tài chính. Điều này ngụ ý rằng các nhà hoạch định cần ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng và khuyến khích sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử (như ví điện tử, ứng dụng ngân hàng số) để tăng tỷ lệ người dùng chủ động tham gia giao dịch. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp ưu đãi tài chính, đào tạo kỹ năng số, và cải thiện độ tin cậy của hệ thống thanh toán.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tính theo logarit tự nhiên (biến $\ln\text{GDP}$) cũng có ảnh hưởng tích cực. Cụ thể, khi GDP tăng 1%, chỉ số bao trùm tài chính tăng 0.1137 đơn vị trong điều kiện

các yếu tố khác không đổi. Tác động tích cực này hoàn toàn phù hợp với kỳ vọng lý thuyết và thực tế. Những quốc gia có quy mô kinh tế lớn hơn thường có hệ thống tài chính phát triển hơn và nhiều người dân tiếp cận được với dịch vụ tài chính. Điều này không chỉ khẳng định tầm quan trọng của phát triển bền vững mà còn nhấn mạnh sự song hành chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và bao trùm tài chính. Kết quả phù hợp với nghiên cứu của Gyamerah và cộng sự (2024), nơi mức độ sử dụng tiền di động cao hơn nâng chỉ số bao trùm tài chính quốc gia lên đến 15,4%, và nghiên cứu của Nguyễn và cộng sự (2023) tại Việt Nam, nhấn mạnh thái độ tích cực hơn với công cụ tài chính số.

Cuối cùng, tỷ lệ người trên 15 tuổi từng vay tiền (biến *lnbormon*) có tác động thuận chiều đến bao trùm tài chính. Khi nhiều người có khả năng tiếp cận tín dụng, điều đó cho thấy họ đã bước đầu tiếp cận được với các dịch vụ tài chính. Khi tỷ lệ này tăng 1%, chỉ số bao trùm tài chính tăng 0.082 đơn vị, với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Điều này hoàn toàn phù hợp với kỳ vọng. Kết quả này cho thấy rằng chính sách mở rộng tín dụng vi mô, nâng cao năng lực của các tổ chức tín dụng và đẩy mạnh giáo dục tài chính là chìa khóa để gia tăng bao trùm tài chính và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Nghiên cứu của Suri và Jack (2016) tại Kenya chứng minh tiền di động trao quyền cho phụ nữ qua tiết kiệm và kiểm soát chi tiêu, trong khi Shaikh và cộng sự (2022) nhấn mạnh vai trò uy tín đại lý trong tăng niềm tin và tiếp cận tín dụng.

5. Hàm ý chính sách

Dựa trên các kết quả hồi quy từ mẫu 65 quốc gia thu nhập trung bình, có thể rút ra một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy bao trùm tài chính thông qua phát triển dịch vụ tiền di động và các yếu tố kinh tế liên quan như sau:

Thứ nhất, kết quả cho thấy tỷ lệ người thực hiện thanh toán điện tử (*lndigitpay*) có tác động mạnh mẽ đến bao trùm tài chính (tăng 1% làm chỉ số tăng 0.1047 đơn vị), lớn hơn so với tác động của tỷ lệ người nhận thanh toán điện tử (*lnredigitpay*, tăng 0.0746 đơn vị). Điều này hàm ý rằng việc khuyến khích người dân chủ động thực hiện thanh toán điện tử quan trọng hơn chỉ mở rộng khả năng tiếp nhận. Ở các quốc gia có hạ tầng viễn thông và hệ thống thanh toán tương đối phát triển, chính sách có thể tập trung vào việc thúc đẩy thanh toán điện tử trong dịch vụ công, thương mại bán lẻ và nông nghiệp, kèm theo ưu đãi phí giao dịch hoặc hoàn tiền. Ngược lại, ở những quốc gia mà hạ tầng số còn hạn chế, ưu tiên chính cần là mở rộng mạng lưới đại lý, cải thiện độ tin cậy của hệ thống và triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân để tăng niềm tin và khả năng sử dụng dịch vụ.

Thứ hai, GDP (lnGDP) có tác động thuận chiều đáng kể đến bao trùm tài chính (tăng 1% GDP giúp chỉ số tăng 0.1137 đơn vị) phản ánh sự gắn kết giữa phát triển kinh tế vĩ mô và mở rộng tài chính. Do đó, các chính sách phát triển mobile money cần được đặt trong chiến lược tăng trưởng kinh tế tổng thể. Ở các quốc gia thu nhập trung bình cao, nơi hệ thống tài chính chính thức đã phát triển, trọng tâm nên là tích hợp mobile money với dịch vụ ngân hàng truyền thống (ví dụ: tiết kiệm, tín dụng tiêu dùng số, bảo hiểm vi mô). Trong khi đó, ở các quốc gia thu nhập trung bình thấp, chính sách cần ưu tiên giảm chi phí tiếp cận, mở rộng vùng phủ sóng viễn thông và tạo điều kiện pháp lý thuận lợi để mobile money trở thành công cụ hỗ trợ tăng trưởng bao trùm.

Thứ ba, kết quả cho thấy tỷ lệ người trên 15 tuổi từng vay tiền (lnbormon) cũng có tác động tích cực (tăng 1% làm chỉ số bao trùm tài chính tăng 0.082 đơn vị). Điều này nhấn mạnh vai trò của tín dụng vi mô, cho vay ngang hàng và tín dụng số trong việc mở rộng tiếp cận tài chính, đặc biệt với nhóm dân cư chưa đủ điều kiện vay từ ngân hàng truyền thống. Ở các nước thu nhập trung bình thấp, chính phủ nên khuyến khích mô hình tín dụng vi mô kết hợp với nền tảng mobile money, vừa giúp tiếp cận vốn nhỏ lẻ, vừa giảm phụ thuộc vào kênh tín dụng phi chính thức. Trong khi đó, tại các nước thu nhập trung bình cao, chính sách có thể hướng đến khuyến khích đổi mới sản phẩm tín dụng số, đồng thời xây dựng cơ chế bảo vệ người tiêu dùng và đảm bảo an toàn hệ thống tài chính.

Thứ tư, sự khác biệt về thể chế, mức độ phát triển tài chính và văn hóa tiêu dùng giữa các quốc gia thu nhập trung bình đòi hỏi chính sách không nên áp dụng một cách đồng nhất. Ở những nước có hệ thống pháp lý và giám sát tài chính chặt chẽ, chính sách nên chú trọng đến việc tích hợp mobile money với các dịch vụ tài chính chính thức, đảm bảo tính minh bạch và an toàn. Ngược lại, tại những quốc gia mà niềm tin vào hệ thống tài chính còn thấp và văn hóa tiêu dùng tiền mặt vẫn chiếm ưu thế, việc khuyến khích chuyển đổi hành vi có thể bắt đầu từ các ưu đãi nhỏ như miễn phí giao dịch, tích hợp mobile money vào chi trả lương, trợ cấp xã hội hoặc học bổng. Như vậy, chính sách sẽ phản ánh tốt hơn đặc thù của từng quốc gia, thay vì áp dụng khuyến nghị chung cho toàn bộ các nước thu nhập trung bình.

6. Kết luận

Nghiên cứu về tác động của dịch vụ tiền di động đến bao trùm tài chính tại các quốc gia đang phát triển cho thấy rằng: các yếu tố liên quan đến tiền di động như tỷ lệ thanh toán và nhận tiền điện tử đều có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến chỉ số bao trùm tài chính. Bên cạnh đó, các yếu tố kinh tế vĩ mô như GDP và tỷ lệ người từng vay tiền cũng góp phần mở rộng khả

năng tiếp cận tài chính chính thức. Điều này khẳng định vai trò thiết yếu của tiền di động trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện tại các nước có hạ tầng ngân hàng truyền thống còn hạn chế. Từ kết quả này, nghiên cứu đã đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm tận dụng hiệu quả tiềm năng của tiền di động, bao gồm: thúc đẩy phổ cập dịch vụ tại vùng nông thôn, hỗ trợ hạ tầng số, mở rộng tín dụng vi mô và xây dựng chính sách tài chính phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, dữ liệu sử dụng chỉ dừng lại ở cấp độ quốc gia nên chưa phản ánh được các yếu tố vi mô như hành vi người dùng hoặc đặc điểm thể chế. Thứ hai, việc đo lường bao trùm tài chính chủ yếu dựa vào chỉ số tài khoản, chưa bao quát đầy đủ các khía cạnh khác như tín dụng, tiết kiệm hay bảo hiểm. Cuối cùng, số quan sát của dữ liệu vẫn còn hạn chế do số năm đo lường, điều này khiến ước lượng chưa thực sự đáng tin cậy. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng phạm vi dữ liệu, kết hợp thêm các phương pháp định tính như phỏng vấn để có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về tác động của tiền di động đến tài chính toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ahmad, A.H., Green, C. & Jiang, F. (2020) 'Mobile money, financial inclusion and development: A review with reference to African experience', *Journal of Economic Surveys*, 34(4), pp. 753-792.

Beck, T., Demirgüç-Kunt, A. & Levine, R. (2007) 'Finance, inequality and the poor', *Journal of Economic Growth*, 12(1), pp. 27-49.

Chakravarty, S. R., & Pal, R. (2013). Financial inclusion in India: An axiomatic approach. *Journal of Policy Modeling*, 35(5), 813–837. <https://doi.org/10.1016/j.jpolmod.2012.12.007>

Demirgüç-Kunt, A., Klapper, L. & Singer, D. (2022) *Data from the Global Findex 2021: The impact of mobile money in Sub-Saharan Africa*. Washington, DC: World Bank.

Erlando, A., Riyanto, F.D. and Masakazu, S., 2020. Financial inclusion, economic growth, and poverty alleviation: evidence from eastern Indonesia. *Heliyon*, 6(10).

Gyamerah, K.K. & Tetteh, F.K. (2024) 'Examining the impact of mobile money on financial inclusion in Sub-Saharan Africa: the role of institutions and governance', *SAM Advanced Management Journal*, 89(4), pp. 315-339. Available at: emerald.com

Hamdan, J. (2019) 'The impact of mobile money in developing countries', *Department of International Economics at DIW Berlin*, 16 July. Available at: econstor.eu

Independent Evaluation Group. (2023). Chapter 1: Introduction and approach. In Financial inclusion: An evaluation of the World Bank Group's work (IEG). World Bank.

International Monetary Fund (2023) 'Mobile Money, Perception about Cash, and Financial Inclusion: Micro-Level Evidence from Uganda', *IMF Working Paper* No. 23/238. Available at: elibrary.imf.org

Jack, W. & Suri, T. (2014) 'Risk sharing and transactions costs: Evidence from Kenya's mobile money revolution', *American Economic Review*, 104(1), pp. 183-223.

Kim, D.W., Yu, J.S. and Hassan, M.K., 2018. Financial inclusion and economic growth in OIC countries. *Research in International Business and Finance*, 43, pp.1-14.

Kodom, M., Steel, W.F., Ackah, C. & Bokpin, G.A. (2022) 'Mobile money: a gateway to achieving financial inclusion in Ghana', *Enterprise Development and Microfinance*, 33(2), pp. 147-162. Available at: practicalactionpublishing.com

Ky, S., Rugemintwari, C. & Sauviat, A. (2018) 'Does mobile money affect saving behaviour? Evidence from Burkina Faso', *Journal of African Economies*, 27(3), pp. 285-320.

Lal, R. & Sachdev, I. (2015) 'Mobile Money Services—Design and Development for Financial Inclusion', *Harvard Business School Working Paper*, No. 15-083, April (Revised July 2015). Available at: hbs.edu

Mbiti, I.M. & Weil, D.N. (2011) 'Mobile banking: The impact of M-Pesa in Kenya', *National Bureau of Economic Research Working Paper* No. 17129.

Mfossa, P.M. (2020) 'Mobile money-driven financial inclusion and financial resilience in Sub-Saharan Africa: Insights from Cameroon', *ADA Microfinance*. Available at: adamicrofinance.org

Munyegera, G.K. & Matsumoto, T. (2014) 'Mobile money, remittances, and household welfare: Panel evidence from rural Uganda', *World Development*, 79, pp. 127-137.

Mutsonziwa, K. & Maposa, O. (2017) 'Financial inclusion in Southern Africa: Mobile money and beyond', *FinMark Trust Working Paper*.

Nantharath, P., Marwa, S., Nguyen, L. and Kang, E., 2023. Sustainable development and financial inclusion in sub-saharan africa: empirical evidence from panel vector error correction model (VECM). *Journal of Namibian Studies: History Politics Culture*, 36, pp.846-868.

Nguyễn, T.H.T., Nguyễn, M.T. & Phạm, Đ.H. (2023) ‘Đánh giá tác động của dịch vụ tiền di động đến sự phát triển của tài chính toàn diện tại Việt Nam và một số khuyến nghị’, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 255, tr. 3-15. Available at: hvn.edu.vn

Nguyễn, T.H.T., Nguyễn, T.T.T., Nguyễn, T.T.H. & Nguyễn, T.T.L. (2023) ‘Đánh giá tác động của dịch vụ tiền di động đến sự phát triển của tài chính toàn diện tại Việt Nam và một số khuyến nghị’, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Ngân hàng*, số 255, tháng 8, tr. 63-75.

Okello, J.J., et al. (2018) ‘Mobile money and financial inclusion: Evidence from Uganda’, *World Development*, 105, pp. 140-154.

Ozili, P. K. (2020). Theories of financial inclusion. SSRN Electronic Journal. <https://doi.org/10.2139/ssrn.3526548>

Park, C. Y., & Mercado, R. (2015). Financial inclusion, poverty, and income inequality in developing Asia. Asian Development Bank Economics Working Paper Series No. 426.

Park, C.Y. and Mercado Jr, R., 2018. Financial inclusion, poverty, and income inequality. *The Singapore Economic Review*, 63(01), pp.185-206.

Rindfleisch, A. (2020) ‘Transaction cost theory: past, present and future’. (Thông tin chưa đầy đủ - cần bổ sung nơi công bố nếu có).

Saha, S.K., Qin, J. and Inaba, K., 2023. The impact of financial inclusion on economic growth in developing countries. *Journal of Accounting, Business and Finance Research*, 16(1), pp.12-29.

Nyimbiri, B.A., 2021. The impact of the mobile money on people’s use of financial services in Sub-Saharan Africa. *Management Dynamics in the Knowledge Economy*, 9(1), pp.137-146.

Sarma, M. & Pais, J. (2011) ‘Financial Inclusion and Development’, *Journal of International Development*, 23(5), pp. 613-628.

Sarma, M. (2008). Index of financial inclusion. Indian Council for Research on International Economic Relations (ICRIER) Working Paper No. 215

Shaikh, A.A., Glavee-Geo, R., Karjaluoto, H. & Hinson, R.E. (2022) ‘Mobile money as a driver of digital financial inclusion’, *Technological Forecasting and Social Change*, 186, 122158. Available at: [researchgate.net](https://www.researchgate.net)

Simione, F.F. & Muehlschlegel, T.S. (2024) ‘The Impact of Mobile Money on Perception about Cash and Financial Inclusion: Micro-Level Evidence from Uganda’. Available at: [researchgate.net](https://www.researchgate.net)

Suri, T. & Jack, W. (2016) 'The long-run poverty and gender impacts of mobile money', *Science*, 354(6317), pp. 1288-1292.

Vinh, T. (2023) 'Rào cản chi phí giao dịch đối với dịch vụ ngân hàng điện tử', *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, 46(14), tr. 23-39. Available at: dlu.edu.vn